

## PHẦN II: Quản lý nhà nước đối với lãnh thổ





TS. Nguyễn Thị Lê Vinh  
Khoa Chính trị và Báo chí

# 1. Quan niệm lãnh thổ

Lãnh thổ quốc gia là một phần của trái đất thuộc chủ quyền hoàn toàn, đầy đủ và tuyệt đối của một quốc gia. Về mặt địa lí và pháp lí lãnh thổ quốc gia gồm có bốn bộ phận cấu thành: vùng đất, vùng nước, vùng trời và lòng đất.

### Slide 3

---

#### DCD1

Hiến pháp 2013 quy định lãnh thổ VN gồm có đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời

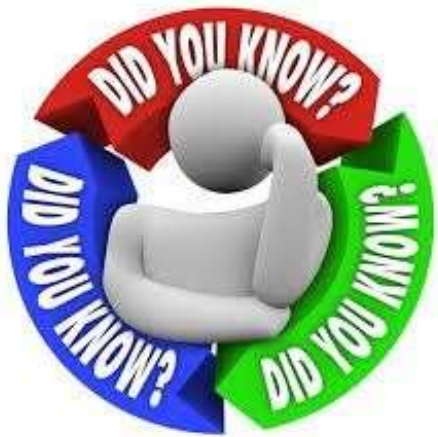
DNTN CAT DANG, 10/29/2020

# Quan niệm lãnh thổ



**LÃNH THỔ** là một vùng có những đặc trưng kinh tế - chính trị- văn hóa, xã hội chạy dài trên một vùng đất, biển nhất định

# Khái niệm lãnh thổ



**LÃNH THỔ** là một phần đất được giới hạn và thuộc sự quản lý của chính quyền một quốc gia hay một địa phương.

## Đặc trưng của lãnh thổ

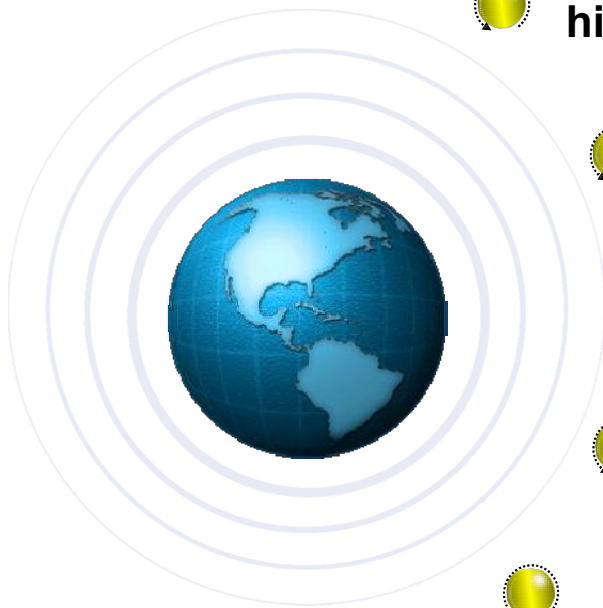


## 2. Phân chia lãnh thổ

Phân chia đơn vị  
lãnh thổ để làm  
gì?



# Mục đích phân chia đơn vị lãnh thổ



- **Tổ chức hệ thống các cơ quan NN để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của NN**
- **Lãnh đạo, triển khai các hoạt động xây dựng & phát triển KT - XH**
- **Phân phối hợp lý, công bằng tài sản quốc gia & thu nhập quốc dân**
- **Tổ chức kế hoạch hóa theo ngành & theo lãnh thổ**
- **Tổ chức đời sống dân cư, cung cấp dịch vụ & quản lý XH**





## 2. Phân chia lãnh thổ



Đơn vị lãnh thổ  
được hình thành như  
thế nào?

Lãnh thổ được  
phân chia như thế  
nào?





## 2. Phân chia lãnh thổ

### CÁCH HÌNH THÀNH

1

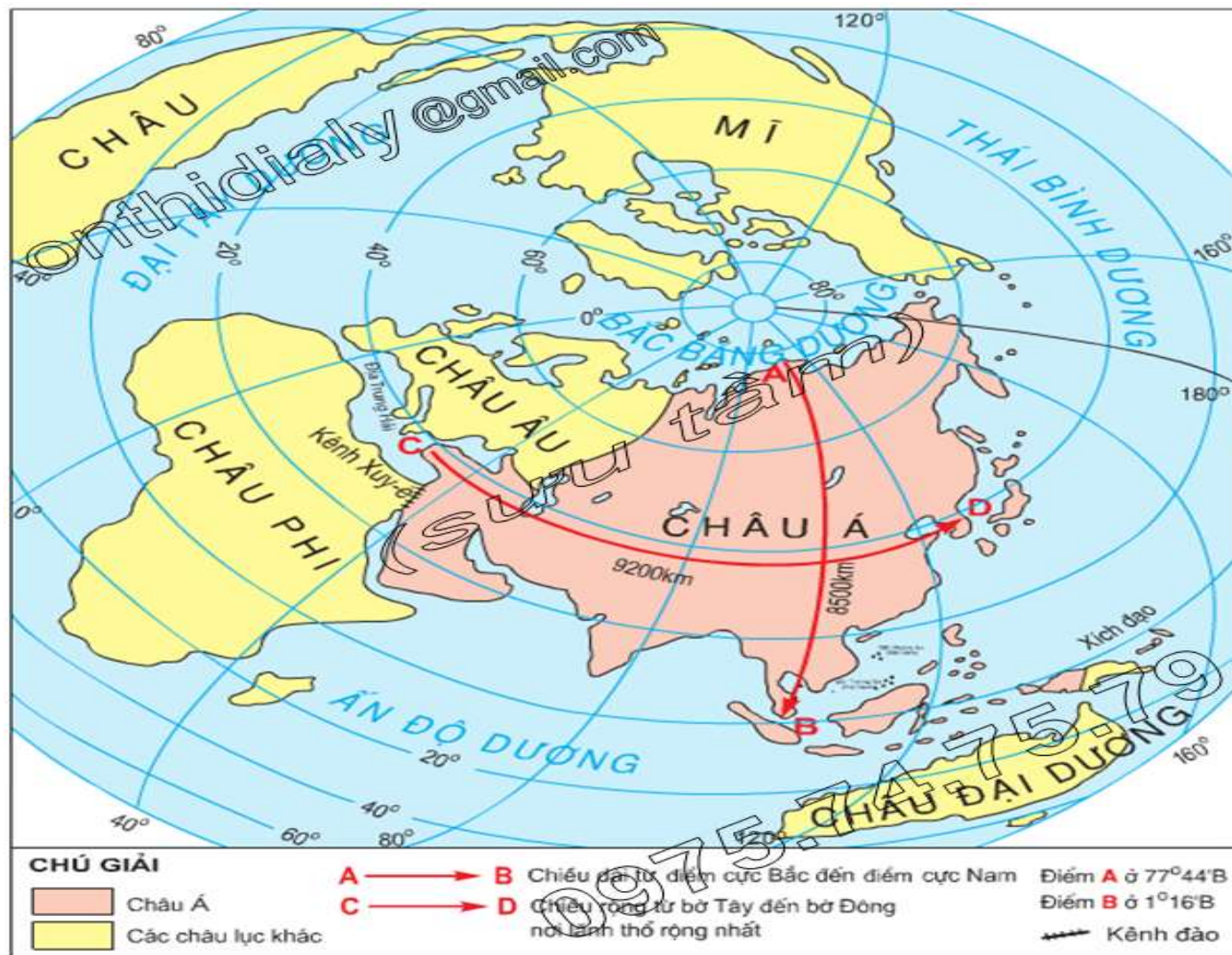
Hình thành  
một cách  
tự nhiên

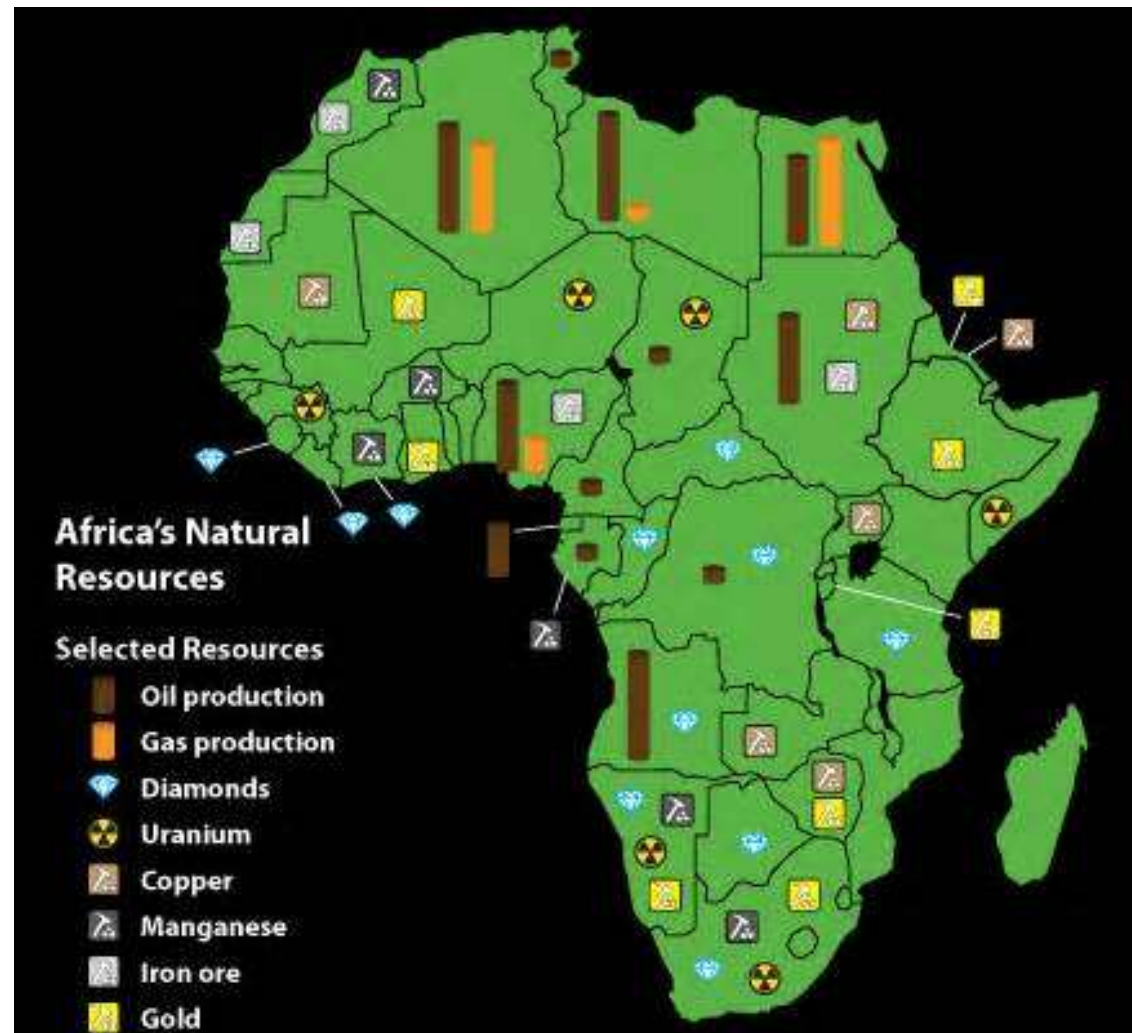
2

Hình thành  
một cách  
nhân tạo



Lãnh thổ  
hình thành  
tự nhiên





## 2. Phân chia lãnh thổ



## 2. Phân chia lãnh thổ

### **YÊU CẦU PHÂN CHIA**



- Bảo đảm sự phát triển KT – XH của địa bàn lãnh thổ
- Bảo đảm nhu cầu quản lý của nhà nước



## 2. Phân chia lãnh thổ

- Theo phạm vi
  - Lãnh thổ toàn vẹn
  - Lãnh thổ đơn vị
- Theo tính chất
  - Lãnh thổ hành chính
  - Lãnh thổ kinh tế



# Các hình thái lãnh thổ ở Việt Nam

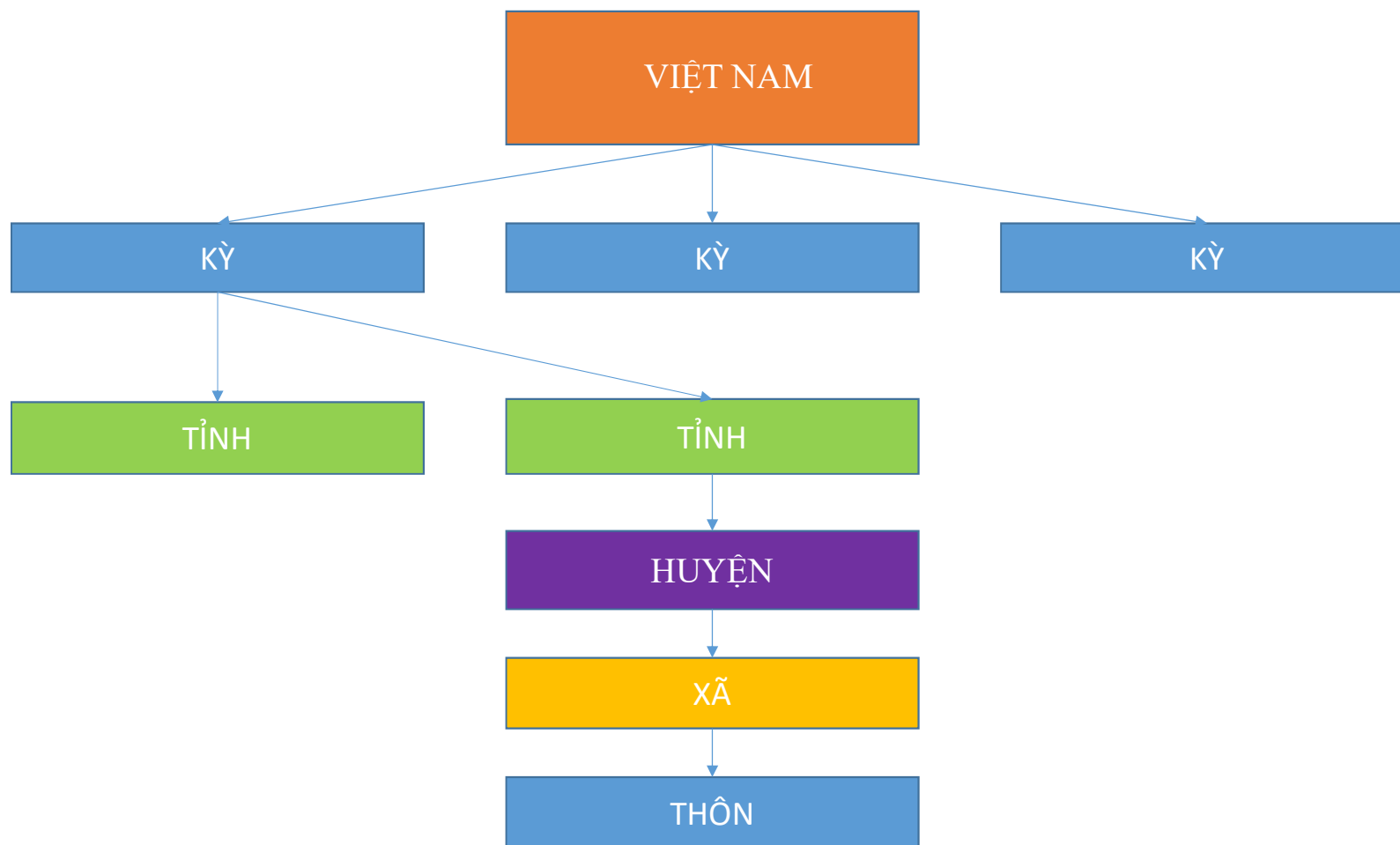
- Vùng tự nhiên
- Vùng kinh tế ngành
- Vùng kinh tế - xã hội

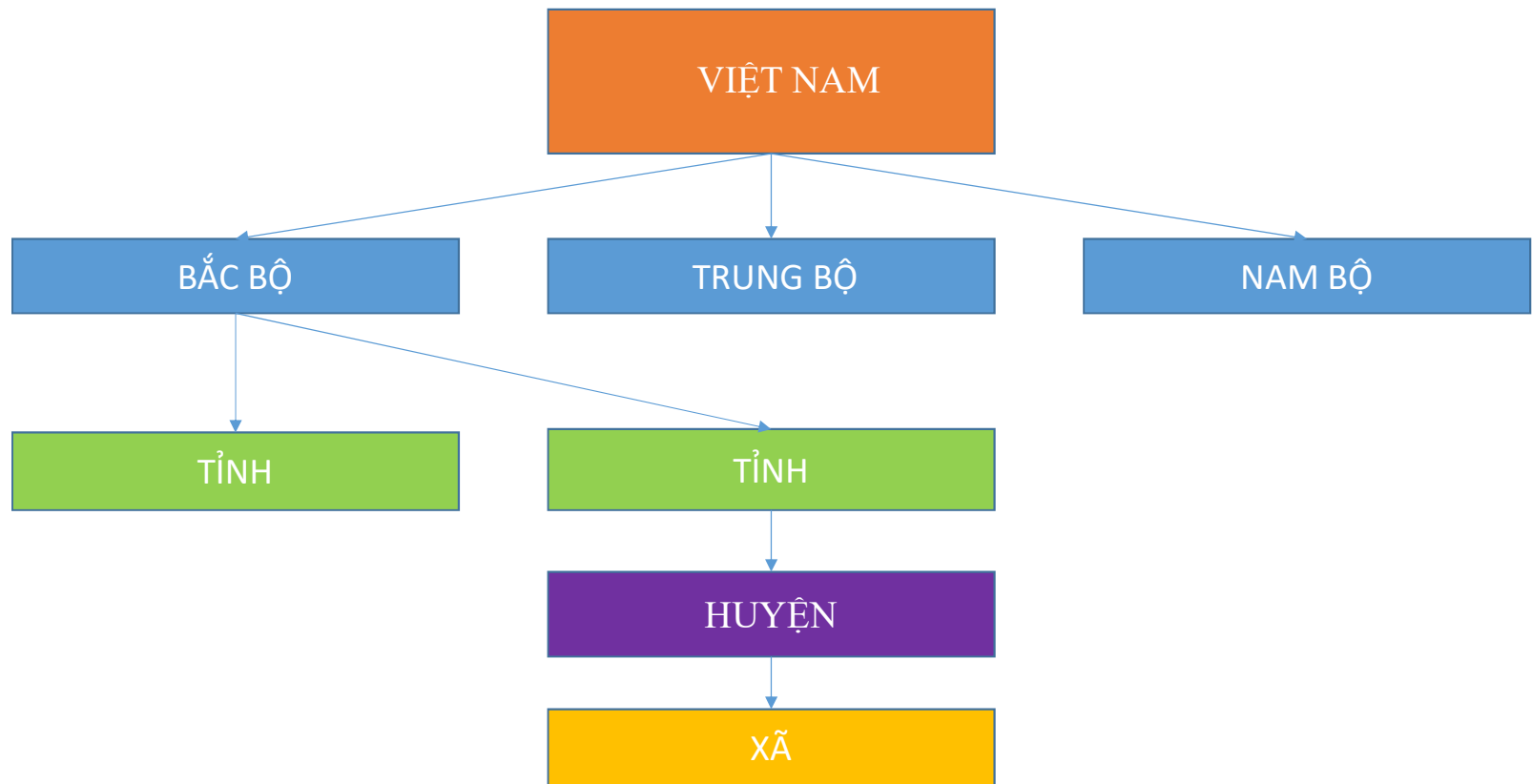
## 2.1. Lãnh thổ hành chính

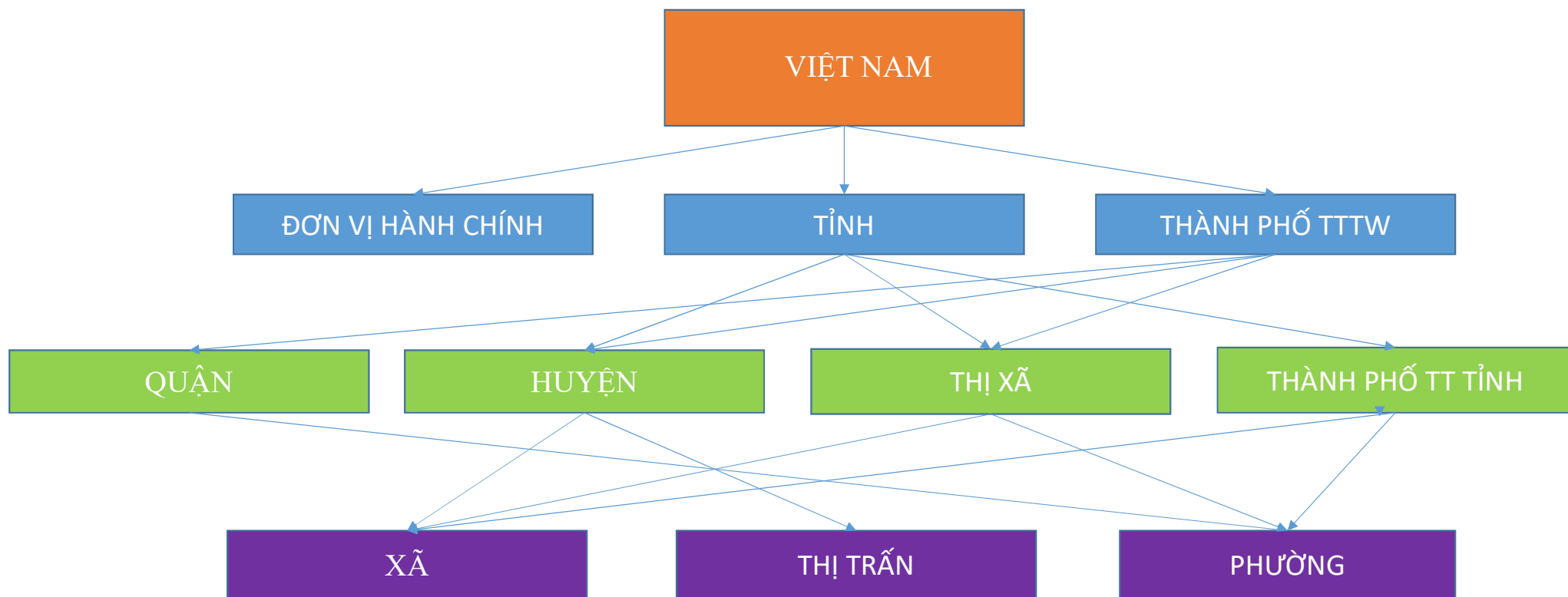
- Lãnh thổ bên trong quốc gia ở Việt Nam được hình thành thông qua các quyết định về thành lập các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, xã, phường, thị trấn, xác định địa giới hành chính
- Việc xác định vùng lãnh thổ ở Việt Nam phản ánh quan điểm của nhà nước về phân chia địa giới hành chính - lãnh thổ và chính sách phát triển kinh tế xã hội từng thời kỳ.

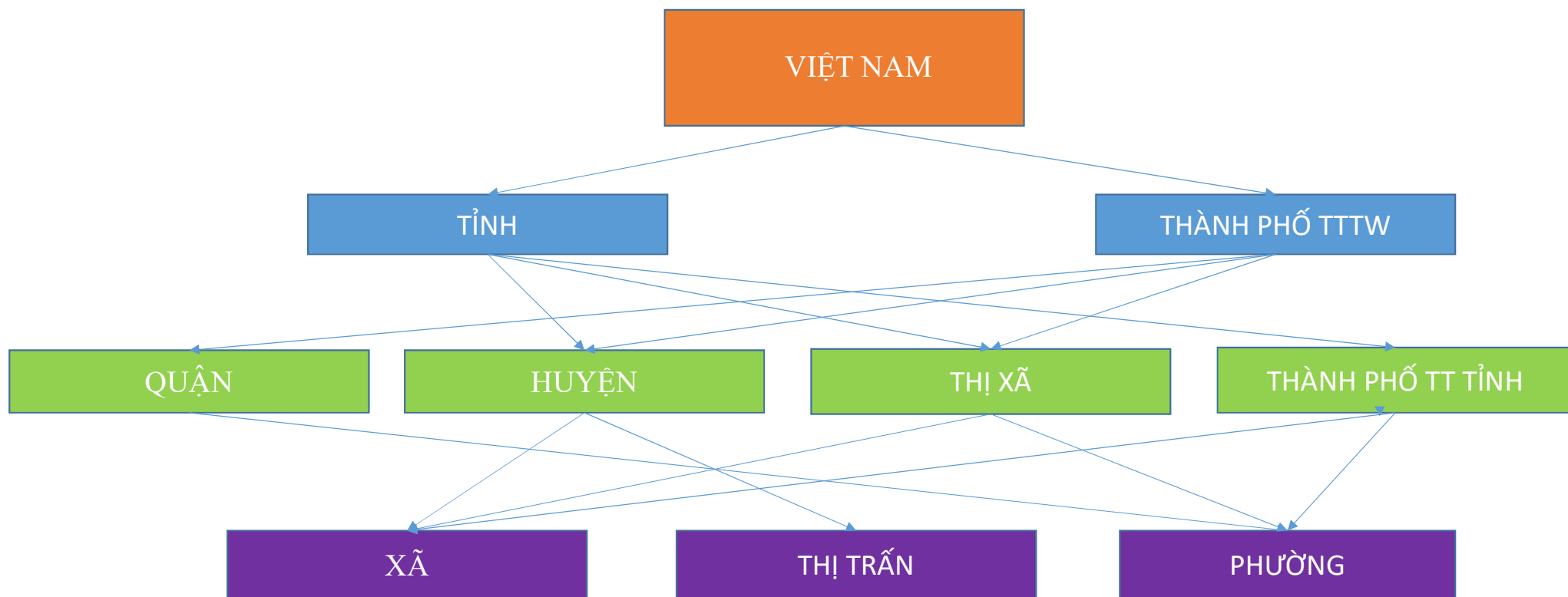
## 2.1. Lãnh thổ hành chính



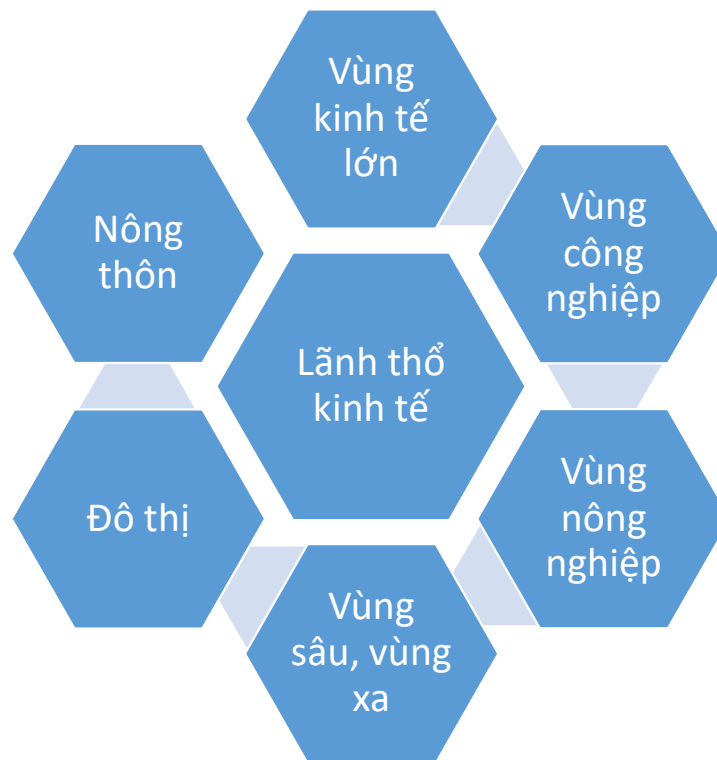








## 2.2. Lãnh thổ kinh tế



## 2.2.1. Vùng kinh tế lớn



**DCD2** Bộ Kế hoạch và đầu tư cho biết, để thi hành Luật Quy hoạch, Bộ đã đề xuất chia lãnh thổ quốc gia thành 7 vùng, phục vụ lập quy hoạch vùng cho giai đoạn 2021-2030.

Trong đó, giữ nguyên như hiện nay các vùng Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long; tách vùng Trung du miền núi phía Bắc thành hai vùng Đông Bắc và Tây Bắc; tách vùng Bắc Trung bộ từ Thanh Hóa đến tỉnh Quảng Trị; nhập các tỉnh Lâm Đồng (của Tây Nguyên), Bình Thuận, Ninh Thuận (ở Duyên hải Nam Trung Bộ) vào vùng Đông Nam bộ hiện nay.

Cùng với đó, thành lập vùng Nam Trung bộ, bao gồm tỉnh Thừa Thiên – Huế, các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ từ Đà Nẵng đến Khánh Hòa và 4 tỉnh Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông).

DNTN CAT DANG, 10/29/2020

## 2.2.2. Vùng công nghiệp

**Quyết định số 73/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 4/4/2006 Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam theo các vùng lãnh thổ đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020**

# Vùng 1

Định  
hướng

- Phát triển thủy điện, chế biến nông, lâm sản (giấy, chè, gỗ, thực phẩm, đồ uống...) khai thác và chế biến khoáng sản (quặng sắt, apatit, than, đồng, chì, kẽm, thiếc, vonfram), hoá chất, phân bón, luyện kim, sản xuất vật liệu xây dựng.
- Phát triển công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp và công nghiệp chế biến.

Mục  
tiêu

Đưa tỷ trọng công nghiệp trong tổng GDP của vùng đạt 23 - 24% năm 2010; tỷ trọng các ngành công nghiệp cơ bản đạt 37 - 38% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng. Duy trì tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản đạt 25 - 26%.

14 tỉnh trung du miền núi phía Bắc (Bắc Kạn, Bắc Giang, Cao Bằng, Điện Biên, Hòa Bình, Hà Giang, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Phú Thọ, Sơn La, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái)

## Vùng 2

Định  
hướng

- Phát triển ngành cơ khí (cơ khí chế tạo, đóng tàu, thiết bị điện, các phương tiện vận tải...), nhiệt điện, phát triển ngành điện tử và công nghệ thông tin, hoá chất, luyện kim, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng.
- Tiếp tục phát triển nhanh công nghiệp dệt may, da giày phục vụ xuất khẩu.
- Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

Mục  
tiêu

Tỷ trọng công nghiệp trong tổng GDP của vùng đạt 40 - 41% năm 2010; tỷ trọng các ngành công nghiệp cơ bản đến năm 2010 chiếm 45,8 - 46,8% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng, trong đó riêng ngành cơ khí (cơ khí chế tạo, đóng tàu, thiết bị điện, các phương tiện vận tải...) chiếm 27,5 - 28,5%.

15 tỉnh đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ (Bắc Ninh, Hà Nội, Hà Tây, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hải Phòng, Hà Nam, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An, Quảng Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc).

## Vùng 3

Định  
hướng

- Tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản, lọc, hoá dầu, đóng tàu, cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng và dệt may, da giày.
- Từng bước tạo dựng, phát triển ngành điện tử và công nghệ thông tin để hỗ trợ cho các ngành khác phát triển.

Mục  
tiêu

Đến năm 2010, tỷ trọng công nghiệp trong tổng GDP của vùng đạt 46 - 47%, tỷ trọng các ngành công nghiệp cơ bản đạt 24 - 25%, trong đó riêng ngành hoá chất chiếm 19 - 20%. Duy trì tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản ở mức 39 - 40% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng. Hoàn thành đầu tư và đưa vào hoạt động nhà máy lọc dầu Dung Quất.

10 tỉnh ven biển Trung Bộ (Bình Định, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế).

## Vùng 4

Định  
hướng

- Tập trung phát triển thủy điện, công nghiệp chế biến nông lâm sản (như cà phê, cao su, bột giấy, mía đường...) và khai thác, chế biến khoáng sản, đặc biệt là boxit.

Mục  
tiêu

Tỷ trọng công nghiệp trong tổng GDP của vùng đạt 13 - 14% năm 2010; tỷ trọng công nghiệp chế biến nông lâm sản, như cà phê, cao su, bột giấy, mía đường... chiếm 38 - 39% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng; các ngành công nghiệp cơ bản chiếm 27,6 - 28,5%, trong đó phần đầu đưa tổ hợp bôxít - nhôm quy mô lớn vào sản xuất phục vụ xuất khẩu.

4 tỉnh Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum)

## Vùng 5

Định  
hướng

Mục  
tiêu

- Tập trung phát triển công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí, điện, chế biến nông, lâm, hải sản và đặc biệt là công nghiệp cơ khí, điện tử, công nghiệp phần mềm, hoá chất, hóa dược. Phát triển công nghiệp dệt may, da giày chất lượng cao phục vụ xuất khẩu. Phát triển công nghiệp trên cơ sở áp dụng công nghệ cao, phát triển các sản phẩm có hàm lượng trí thức cao. Giảm dần tỷ trọng các ngành sử dụng nhiều lao động.

Năm 2010, tỷ trọng công nghiệp trong tổng GDP của vùng đạt 51 - 52%; tỷ trọng các ngành công nghiệp cơ bản chiếm 41,6 - 42,6% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng.

8 tỉnh Đông Nam Bộ (Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai, Lâm Đồng, thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh)

## Vùng 6

Định  
hướng

Mục  
tiêu

- Tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản hướng vào xuất khẩu; phát triển các ngành công nghiệp sử dụng khí, phát triển ngành cơ khí phục vụ nông nghiệp, đặc biệt là công nghiệp sau thu hoạch và bảo quản và công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, cơ khí đóng tàu.

Năm 2010, tỷ trọng công nghiệp trong tổng GDP của vùng đạt 26 - 27%; phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản với vai trò ngành chủ lực (chiếm 56,6 - 57,6% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng).

13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Cà Mau, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long).

## 2.2.3. Vùng nông nghiệp

- Vùng Tây Bắc: 4 tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hoà Bình.
- Vùng Đông Bắc: 11 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Bắc Giang, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ.
- Vùng đồng bằng sông Hồng: 10 tỉnh Hải Phòng, Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nội, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Vĩnh Phúc
- Vùng Bắc Trung bộ: 6 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.
- Vùng Nam Trung bộ: 5 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà.
- Vùng Tây Nguyên: gồm 5 tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum.
- Vùng Đông Nam bộ: gồm 6 tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, Tây Ninh.
- Vùng Tây Nam bộ: gồm 13 tỉnh Long An, Bến Tre, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, Tiền Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, An Giang, Trà Vinh.

## Các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Theo quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (CNC) đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đến năm 2020 Việt Nam sẽ có nhiều vùng nông nghiệp ứng dụng CNC phân bố ở khắp các địa phương.

### VÙNG QUY HOẠCH



Nguồn: Văn phòng Chính phủ

<http://infographics.vn>



© TTXVN

- Vùng sâu, vùng xa: Dựa vào một số tiêu chí đặc biệt khó khăn về kinh tế, nhà nước cũng phân loại vùng lãnh thổ thuộc diện có các xã khó khăn.
- Khu vực đô thị: Căn cứ vào những tiêu chí về đô thị để phân chia thành các vùng đô thị.
- Khu vực nông thôn: Ngoài khu vực đô thị hay các vùng đô thị, thì còn lại là các vùng, lãnh thổ nông thôn.